TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2021
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A**.**

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Minh T.

2. Ông Nguyễn Vĩnh L.

- ***Thư ký phiên tòa*****:** Bà Đỗ Thị Hiếu L – Công chức Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 79/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 24/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp T, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A.

2. Bị đơn: anh Lê Văn T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: ấp T, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn Trần Thị Kim N trình bày nội dung vụ kiện như sau: Năm 2011, chị N cùng với anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A. Từ khi kết hôn cho đến năm 2015, chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị N và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Chị N nhận thấy giữa chị

N và anh T không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nữa. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 30/9/2011 và Lê Trần Như Y, sinh ngày 26/6/2013. Khi ly hôn, chị Trần Thị Kim N yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T: anh T đã vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có văn bản thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Bị đơn: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã Tân H, huyện Tân T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị Kim N hiện nay đang đi làm xa nên chị N làm đơn yêu cầu xin được vắng mặt, nên đủ điều kiện xét xử.

Anh Lê Văn T đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A, vào sổ đăng ký kết hôn số 65/2011, quyển số 01/2011, ngày 11/7/2011 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị N trình bày trong quá trình chị N và anh T chung sống với nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra và ngày càng trầm trọng. Hiện nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống giữa chị N và anh T không có hạnh phúc, đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, chị N và anh T đã sống ly thân với nhau nhiều năm, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nên đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: chị N và anh T có có 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 30/9/2011 và Lê Trần Như Y, sinh ngày 26/6/2013. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu Y đến tuổi trưởng thành. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Cháu T và cháu Y trên 07 tuổi, có văn bản trình bày ý kiến muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn và từ khi ly thân cho đến nay cháu T và cháu Y đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, khi ly hôn, chị N được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 30/9/2011 và Lê Trần Như Y, sinh ngày 26/6/2013. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập. Anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T thể hiện có ý kiến, yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim N.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Chị Trần Thị Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 30/9/2011 và Lê Trần Như Y, sinh ngày 26/6/2013.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0004756, ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh Long A;
- VKS huyện Tân T;
- THA huyệnTân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc A